



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



22232002178

Tên học phần: **Sinh thái thực vật**

Mã học phần: **BIO10308**

Lớp: **1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
1	1715413	Nông Minh	Quang			☒	8	8	0	Tám chẵn	
2	18150300	Trần Thị Phương	Thảo			☐	8	75		Tám bảy lăm	
3	18150311	Vũ Hoàng Kim	Thoa			☐	9	25		Chín hai lăm	
4	18150357	Phạm Thị Thùy	Trang			☐	8	75		Tám bảy lăm	
5	19150114	Nguyễn Trần Thanh	Liêm			☐	7	75		Bảy lăm	
6	19150259	Nguyễn Trần Trúc	Vy			☐	8	75		Tám bảy lăm	
7	19150297	Nguyễn Đoàn Nguyên	Đặng			☐	9	0		Chín chẵn	
8	19150383	Nguyễn Đỗ Anh	Minh			☐	8	25		Tám hai lăm	
9	19150390	Nguyễn Kim	Ngân			☐	8	0		Tám chẵn	
10	19150392	Nguyễn Phan Kim	Ngân			☐	8	0		Tám chẵn	
11	19150429	Trương Thị Kim	Phượng			☐	8	0		Tám chẵn	
12	19150441	Đỗ Linh	San			☐	7	5		Bảy rưỡi	
13	19150536	Nguyễn Ngọc	Yến			☐	8	25		Tám hai lăm	
14	20150051	Lê Kim	Long			☒	10	0		Mười chẵn	
15	20150147	Vũ Thị Thu	Hiền			☐	8	5		Tám rưỡi	
16	20150169	Vũ Minh Đăng	Khoa			☐	8	75		Tám bảy lăm	
17	20150174	Lê Trọng	Lân			☐	8	25		Tám hai lăm	
18						☐					
19						☐					
20						☐					
21						☐					
22						☐					
23						☐					
24						☐					
25						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Nguyễn Thị Lan Thị</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Nguyễn Thị Lan Thị</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



22232002191

Tên học phần: **Sinh hóa thực phẩm**Mã học phần: **BIO10413**Lớp: **1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
1	1715330	Trịnh Diễm	Thy								
2	18150199	Nguyễn Công	Mỹ								
3	19150126	Mai Thị Hồng	Na		<i>Ue</i>		9	0		Chín không	
4	19150147	Phạm Nguyễn Thảo	Nhi		<i>Phu</i>		9	0		Chín không	
5	19150149	Trương Ngọc Yến	Nhi		<i>Ng</i>		8	3		Tám ba	
6	19150293	Phan Thị Mỹ	Chinh		<i>Chinh</i>		8	3		Tám ba	
7	19150302	Nguyễn Tiến	Đạt		<i>Đ</i>		8	3		Tám ba	
8	19150359	Nguyễn Trần Trịnh	Khoa		<i>NTT</i>		8	3		Tám ba	
9	19150382	Lê Thị Trúc	Mi		<i>L</i>		9	3		Chín ba	
10	19150385	Đặng Thị Hồng	Mỹ		<i>Đ</i>		9	3		Chín ba	
11	19150397	Hồ Nguyễn Bích	Ngọc		<i>H</i>		9	3		Chín ba	
12	19150406	Nguyễn Ngọc	Nhi		<i>Nh</i>		9	0		Chín không	
13	19150416	Nguyễn Đình	Ninh		<i>Ninh</i>		9	3		Chín ba	
14	19150505	Nguyễn Thị Kim	Tuyến		<i>NT</i>		9	0		Chín không	
15	20150004	Nguyễn Trúc	Linh		<i>L</i>		8	3		Tám ba	
16	20150027	Lê Nguyễn Ngọc	Hân		<i>LH</i>		8	3		Tám ba	
17	20150064	Hoàng	Oanh		<i>H</i>		8	3		Tám ba	
18	20150081	Nguyễn Phúc Anh	Thư		<i>NP</i>		8	3		Tám ba	
19	20150099	Trần Ngọc	Vy		<i>T</i>		9	3		Chín ba	
20	20150102	Nguyễn Hồ Á	Châu		<i>Ch</i>		8	3		Tám ba	
21	20150140	Lê Thị Ngọc	Hân		<i>L</i>		9	3		Chín ba	
22	20150149	Phạm Hoàng	Hiệp		<i>P</i>		9	3		Chín ba	
23	20150162	Hồ Thị Phương	Khanh		<i>H</i>		8	3		Tám ba	
24	20150168	Trương Minh	Khoa		<i>T</i>		9	3		Chín ba	
25	20150170	Từ Minh	Khôi		<i>T</i>		8	3		Tám ba	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Đỗ Thị Hồng</i>Chữ ký: <i>hồng</i>	Họ, tên: <i>Đỗ Thị Hồng</i> Chữ ký: <i>hồng</i>	Họ, tên:
2).....Chữ ký:		Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232002192

Tên học phần: **Sinh hóa thực phẩm**Mã học phần: **BIO10413**Lớp: **1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
26	20150178	Lê Việt	Linh			☐		9	3	chín ba	
27	20150197	Nguyễn Đức	Minh			☐		9	3	chín ba	
28	20150201	Nguyễn Liễu Thảo	My			☐		9	3	chín ba	
29	20150230	Trần Thị Nguyễn	Nhi			☐		9	3	chín ba	
30	20150231	Nguyễn Thị Thùy	Nhiên			☐		8	5	Tám năm	
31	20150243	Hoàng Thị Hồng	Phương			☐		8	8	Tám tám	
32	20150252	Nguyễn Ngô Thư	Quỳnh			☐		8	5	Tám năm	
33	20150254	Lê Văn	Sáng			☐		9	3	chín ba	
34	20150259	Nguyễn Hồng	Thắng			☐		8	8	Tám tám	
35	20150261	Trần Thu	Thanh			☐		8	5	Tám năm	
36	20150284	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang			☐		8	8	Tám tám	
37	20150290	Trương Nhã	Trúc			☐		8	8	Tám tám	
38	20150296	Nguyễn Kế	Tường			☐		9	3	chín ba	
39	20150308	Nguyễn Cẩm	Vy			☐		8	8	Tám tám	
40						☐					
41						☐					
42						☐					
43						☐					
44						☐					
45						☐					
46						☐					
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Đỗ Thị Hồng</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Đỗ Thị Hồng</u> Chữ ký:	Họ, tên:
1)..... Chữ ký:	2)..... Chữ ký:	Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001778

Tên học phần: **Hóa đại cương 1**Mã học phần: **CHE00001**Lớp: **22KMT1**Ngày thi: **28/04/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	22170023	Bùi Võ Trung	Hiếu		<i>Hiếu</i>	☐		3	5	Ba năm	
2	22170024	Nguyễn Thanh	Hoài		<i>Hoài</i>	☐		5	0	Năm không	
3	22170025	Trần Thị Tú	Huệ		<i>Hue</i>	☐		5	0	Năm không	
4	22170026	Đặng Đỗ Quỳnh	Hương		<i>Quỳnh</i>	☐		4	5	Bốn năm	
5	22170027	Trịnh Gia	Huy		<i>Huy</i>	☐		1	5	Một năm	
6	22170028	Nguyễn Phương	Khanh		<i>Ph</i>	☐		1	5	Một năm	
7	22170030	Đặng Đăng	Khoa		<i>Khoa</i>	☐		3	5	Ba năm	
8	22170031	Võ Nguyễn Duy	Khoa		<i>Khoa</i>	☐		1	5	Một năm	
9	22170034	Nguyễn Hoàng Anh	Kiệt		<i>Kiệt</i>	☐		1	0	Một không	
10	22170035	Trần Gia	Kiệt		<i>Kiệt</i>	☐		4	0	Bốn không	
11	22170036	Võ Lý Mỹ	Liên			☒					
12	22170037	Nguyễn Cao Thùy	Linh		<i>N</i>	☐		0	0	Không	
13	22170039	Đỗ Hà Trà	My		<i>Trà</i>	☐		0	5	Không năm	
14	22170041	Châu Thụy Tuyết	Ngân		<i>N</i>	☐		4	0	Bốn không	
15	22170044	Nguyễn Bích	Ngọc		<i>N</i>	☐		2	0	Hai không	
16	22170045	Trần Mai Uyên	Nhi		<i>N</i>	☐		3	0	Ba không	
17	22170046	Vũ Trúc	Như		<i>Như</i>	☐		5	5	Năm năm	
18	22170048	Phùng Kim	Oanh		<i>Phùng</i>	☐		4	5	Bốn năm	
19	22170049	Hoàng Thiên	Phú			☒					
20	22170050	Nguyễn Thị Mỹ	Phụng		<i>N</i>	☐		7	0	Bảy không	
21	22170051	Nguyễn Đình	Phước		<i>Ph</i>	☐		4	5	Bốn năm	
22	22170053	Ngô Phương	Phương		<i>Ph</i>	☐		9	0	Chín không	
23	22170054	Nguyễn Đỗ Khánh	Phương		<i>Ph</i>	☐		4	0	Bốn không	
24	22170055	Ngô Thị Mỹ	Quỳnh		<i>Quỳnh</i>	☐		4	0	Bốn không	
25	22170056	Nguyễn Ngọc Mỹ	Quỳnh		<i>Quỳnh</i>	☐		4	0	Bốn không	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Nguyễn Thị Ngọc</i> Chữ ký: <i>N</i> 2) <i>Nguyễn Thanh</i> Chữ ký: <i>Ph</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Huy</i> Chữ ký: <i>Ph</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001779

Giữa kỳ

Tên học phần: **Hóa đại cương 1**

Mã học phần: **CHE00001**

Lớp: **22KMT1**

Ngày thi: **28/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	22170057	Nguyễn Thành	Tài		<i>Thanh Tài</i>	☐		3	5	Ba năm	
27	22170058	Võ Hồng	Thắm		<i>Thắm</i>	☐		5	5	Năm năm	
28	22170059	Võ Thị Hồng	Thắm		<i>Thắm</i>	☐		6	0	Sáu không	
29	22170060	Hồ Trần Phương	Thảo		<i>Thảo</i>	☐		4	5	Bốn năm	
30	22170063	Lương Thị Hà	Vy		<i>Vy</i>	☐		2	0	Hai không	
31	22170064	Phan Thị Như	Ngọc		<i>Ngọc</i>	☐		3	0	Ba không	
32	22170065	Trần Hưng	Thịnh		<i>Thịnh</i>	☐		3	0	Ba không	
33	22170066	Trần Cao Anh	Thư		<i>Thư</i>	☐		2	5	Hai năm	
34	22170067	Võ Thị Kim	Thư		<i>Thư</i>	☐		4	0	Bốn không	
35	22170068	Lý Ngọc	Thy		<i>Thy</i>	☐		5	5	Năm năm	
36	22170070	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm		<i>Trâm</i>	☐		3	0	Ba không	
37	22170072	Đinh Thị Thảo	Trinh		<i>Trinh</i>	☐		6	5	Sáu năm	
38	22170073	Nguyễn Văn	Trung		<i>Trung</i>	☐		5	0	Năm không	
39	22170074	Phùng Trần Anh	Tú			☒					
40	22170076	Nguyễn Anh	Tuấn		<i>Tuấn</i>	☐		2	0	Hai không	
41	22170077	Phan Anh	Tuấn		<i>Phan Anh</i>	☐		3	0	Ba không	
42	22170078	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền		<i>Tuyền</i>	☐		5	5	Năm năm	
43	22170079	La Ngọc Khánh	Vi		<i>Vi</i>	☐		1	5	Một năm	
44	22170080	Châu Anh	Vũ		<i>Vũ</i>	☐		3	5	Ba năm	
45	22170081	Nguyễn Hoàng	Vũ		<i>Vũ</i>	☐		2	5	Hai năm	
46	22170082	Nguyễn Nhật Anh	Vũ		<i>Nguyễn Nhật Anh</i>	☐		1	0	Một không	
47	22170083	Phan Bùi Thúy	Vy		<i>Phan Bùi Thúy</i>	☐		4	5	Bốn năm	
48	22170084	Phan Phát Duy	Bình		<i>Phan Phát Duy</i>	☐		5	0	Năm không	
49	22190010	Võ Ngọc	Chiến		<i>Võ Ngọc</i>	☐		2	0	Hai không	
50						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Trần Thanh Nhàn</i> Chữ ký: <i>Trần Thanh Nhàn</i> 2) <i>Trần Thị Ngọc Thủy</i> Chữ ký: <i>Trần Thị Ngọc Thủy</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Hưng</i> Chữ ký: <i>Nguyễn Hưng</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001776

Tên học phần: **Hóa đại cương 1**

Mã học phần: **CHE00001**

Lớp: **22KMT1**

Ngày thi: **28/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	1715285	Nguyễn Tiến	Thành					6	5	Sáu năm	
2	1715413	Nông Minh	Quang					4	5	Bốn năm	
3	1718241	Lê Dương Bích	Ngọc								
4	18130170	Trần Minh	Yến					2	0	Hai không	
5	18140272	Trương Nhật	Nam					3	5	Ba năm	
6	18140308	Nguyễn Thị Mai	Phụng					7	5	Bảy năm	
7	18150299	Nguyễn Thị Như	Thảo					4	5	Bốn năm	
8	18170022	Mông Văn	Toàn					3	0	Ba không	
9	18190081	Trương Hoàng Tuấn	Kiệt					7	5	Bảy năm	
10	18190201	Nguyễn Ngọc Trang	Vy					2	5	Hai năm	
11	19170034	Hà Thị Mỹ	Duyên					6	0	Sáu không	
12	19220127	Lê Thị Khánh	Linh					4	5	Bốn năm	
13	19220140	Nguyễn Trần Kim	Ngọc					5	5	Năm năm	
14	19220149	Nguyễn Tuyết	Như					4	0	Bốn không	
15	19220194	Võ Thị Ngọc	Vân					4	0	Bốn không	
16	19220195	Trần Thị Khánh	Viên					4	5	Bốn năm	
17	19220197	Lê Hoàng Liên	Vy					3	5	Ba năm	
18	19230047	Nguyễn Ngọc Hồng	Hân								
19	20150025	Nguyễn Thị Ngọc	Hà					4	0	Bốn không	
20	20150149	Phạm Hoàng	Hiệp					9	0	Chín không	
21	20170092	Bùi Phương	Quyên					1	5	Một năm	
22	20180254	Phạm Thị Minh	Hạnh					4	0	Bốn không	
23	20180258	Phan Văn	Hiếu					4	5	Bốn năm	
24	20180315	Cao Xuân	Nam					4	0	Bốn không	
25	21150196	Trần Thị Ngọc	Hân					2	0	Hai không	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Lê Thị Ngọc Trang</u> 1) <u>Lê Thị Ngọc Trang</u> Chữ ký: <u>M</u> 2) <u>Nguyễn Tiến Anh</u> Chữ ký: <u>M</u>	Họ, tên: <u>Nguyễn Hùng Du</u> Chữ ký: <u>M</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001777

Tên học phần: **Hóa đại cương 1**

Mã học phần: **CHE00001**

Lớp: **22KMT1**

Ngày thi: **28/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	21250052	Trần Anh	Điền								
27	21250060	Lê Hải	Hà		<i>Hai</i>		6	5		Sáu năm	
28	21250116	Nguyễn Quốc	Trung		<i>Quoc</i>		6	0		Sáu không	
29	22110015	Nguyễn Nhật	Anh		<i>Nhat</i>		6	0		Sáu không	
30	22110216	Cao Minh	Thuận		<i>Minh</i>		7	5		Bảy năm	
31	22120263	Nguyễn Thành	Phát		<i>Thanh</i>		3	0		Ba không	
32	22170001	Nguyễn Ngọc Đồng	An		<i>Ngoc</i>		5	0		Năm không	
33	22170002	Đặng Nguyễn Minh	Anh		<i>Dang</i>		7	0		Bảy không	
34	22170003	Lê Thị Vân	Anh		<i>Thi</i>		6	5		Sáu năm	
35	22170004	Lê Văn Đức	Anh		<i>Van</i>		7	0		Bảy không	
36	22170005	Nguyễn Hoàng Duy	Anh		<i>Hoang</i>		2	5		Hai năm	
37	22170006	Nguyễn Lê Phương	Anh		<i>Phuong</i>		1	0		Một không	
38	22170007	Nguyễn Thị Ngọc	Anh								
39	22170008	Lương Gia	Bảo		<i>Luong</i>		0	5		Không năm	
40	22170009	Nguyễn Phúc	Bảo		<i>Phuc</i>		3	0		Ba không	
41	22170010	Phan Công	Bảo		<i>Phan</i>		3	0		Ba không	
42	22170012	Dương Minh	Chánh		<i>Duong</i>		5	0		Năm không	
43	22170016	Trương Đình	Duy		<i>Truong</i>		4	5		Bốn năm	
44	22170017	Vũ Ngọc Kiều	Duyên		<i>Vu</i>		6	5		Sáu năm	
45	22170018	Ngô Thanh	Hải		<i>Ngô</i>		1	0		Một không	
46	22170019	Nguyễn Ngọc Gia	Hân		<i>Ngoc</i>		6	0		Sáu không	
47	22170020	Võ Ngọc	Hân		<i>Võ</i>		5	0		Năm không	
48	22170021	Nguyễn Gia Vinh	Hiền		<i>Gia</i>		7	0		Bảy không	
49	22170022	Bùi Chí	Hiếu		<i>Bui</i>		4	0		Bốn không	
50											

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Lê Thị Ngọc Trang</i> Chữ ký: <i>LNT</i> 2) <i>Nguyễn Tiến Đạt</i> Chữ ký: <i>NTD</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Huy D.</i> Chữ ký: <i>NHD</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001172

Tên học phần: **Hóa lý 1**Mã học phần: **CHE10029**Lớp: **21HOHB**Ngày thi: **05/05/2023**Giờ thi: **09g00**Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
1	1714267	Nguyễn Thị Khánh	Linh					5	7	Năm bảy	
2	18140224	Trần Nguyễn Gia	Hung								
3	18140414	Phạm Ngọc Thuý	Vy					1	0	Một chẵn	
4	19140089	Đào Huỳnh Xuân	Thuý					5	0	Năm chẵn	
5	19140133	Phan Quang	Đạt					3	5	Ba năm	
6	19140231	Cao	Thanh					4	3	Bốn ba	
7	19140342	Nguyễn Trung	Dũng					6	0	Sáu chẵn	
8	19140347	Phạm Huỳnh Nhật	Duy					2	0	Hai chẵn	
9	19140358	Phạm Thị Bảo	Hân					4	6	Bốn sáu	
10	19140501	An Phạm Quỳnh	Như					5	6	Năm sáu	
11	19140545	Phạm	Tài					5	6	Năm sáu	
12	19140627	Lê Thị Thu	Uyên					6	5	Sáu năm	
13	20140052	Nguyễn Tĩnh	Thiên					4	6	Bốn sáu	
14	20140083	Đặng	Duy					1	0	Một chẵn	
15	20140098	Đỗ Sỹ	Hiếu					2	8	Hai tám	
16	20140119	Mai Xuân	Lộc					5	1	Năm một	
17	20140136	Liêu Trung	Nghĩa								
18	20140247	Nguyễn Bùi Khương	Duy					4	0	Bốn chẵn	
19	20140259	Ngô Thị	Hằng					4	6	Bốn sáu	
20	20140262	La Ngọc	Hạnh					3	3	Ba ba	
21	20140285	Nguyễn Huỳnh	Khiêm					1	0	Một chẵn	
22	20140313	Nguyễn Thị Kim	Ngân					7	4	Bảy bốn	
23	20140322	Nguyễn Đình Hiếu	Nhân								
24	20140345	Vũ Đức	Phúc					4	3	Bốn ba	
25	20140348	Nguyễn Thị Diễm	Phương					3	7	Ba bảy	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên:	Họ, tên:	Họ, tên:
1) Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:
2) Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001173

Tên học phần: **Hóa lý 1**

Mã học phần: **CHE10029**

Lớp: **21HOHB**

Ngày thi: **05/05/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	20140353	Nguyễn Lê Anh	Quân		<i>Quân</i>	☐		1	5	Một năm	
27	20140355	Hồ Minh	Quang		<i>ML</i>	☐		5	1	Năm một	
28	20140380	Trần Xuân	Thảo		<i>Thảo</i>	☐		4	3	Bon ba	
29	20140413	Nguyễn Ngọc Hoài	Trần		<i>TH</i>	☐		0	5	Không năm	
30	20140435	Nguyễn Thị Phương	Uyên			☒					
31	21140248	Lê Trường	Phúc			☒					
32	21140403	Trần Minh	Quân		<i>Quân</i>	☐		1	2	Một hai	
33	21140418	Nguyễn Đức Minh	Thông		<i>Thông</i>	☐		2	8	Hai tám	
34	21140431	Vũ Hán Thùy	Trang			☒					
35						☐					
36						☐					
37						☐					
38						☐					
39						☐					
40						☐					
41						☐					
42						☐					
43						☐					
44						☐					
45						☐					
46						☐					
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Nguyễn Ngọc Quý</i> 1) <i>Nguyễn Ngọc Quý</i> Chữ ký: <i>Quý</i> 2) <i>Nguyễn Ngọc Quý</i> Chữ ký: <i>Quý</i>	Họ, tên: <i>Đào Huệ Ngân</i> Chữ ký: <i>Ngân</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000344

Tên học phần: **Tổng hợp hóa dầu**

Mã học phần: **CHE10126**

Lớp: **1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	1614203	Nguyễn Viết	Quốc								
2	19140122	Lý Thanh	Bân		Bân		9	5		chín năm	
3	19140257	Nguyễn Trần Tấn	Trí		Tấn		9	4		chín bốn	
4	19140303	Nguyễn Gia	Bảo		Bảo		9	5		chín năm	
5	19140323	Nguyễn Hải	Đặng		Đặng		9	5		chín năm	
6	19140324	Đặng Công	Danh		Danh		9	5		chín năm	
7	19140378	Võ Thị Như	Hoàng		Thư		9	3		chín ba	
8	19140389	Ngô Đức	Huy		Huy		9	6		chín sáu	
9	19140400	Lâm Huỳnh	Khang		Khang		9	4		chín bốn	
10	19140445	Phan Nguyễn Gia	Mẫn		M		9	5		chín năm	
11	19140546	Trần Minh	Tài		Tài		9	5		chín năm	
12	19140549	Nguyễn Thanh	Tâm								
13	19140571	Lương Thị	Thơm		Thư		9	4		chín bốn	
14	19140573	Hồ Thị Ngọc	Thu		Thư		9	4		chín bốn	
15	19140605	Nguyễn Thị Huyền	Trinh		Thư		9	3		chín ba	
16	19140627	Lê Thị Thu	Uyên		Thư		9	3		chín ba	
17	20140005	Nguyễn Quốc	Hưng		Hưng		9	4		chín bốn	
18	20140078	Trần Thành	Danh		Danh		9	5		chín năm	
19	20140151	Dương Hồng	Phú		Phu		9	6		chín sáu	
20	20140226	Trương Ngô Chí	Bảo		Phu		9	5		chín năm	
21	20140228	Đỗ Thị	Châm		Ch		9	5		chín năm	
22	20140229	Châu Hoàng	Chánh		Chau		9	5		chín năm	
23	20140232	Lê Minh	Chiến		E		9	5		chín năm	
24	20140249	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên		Thư		9	4		chín bốn	
25	20140265	Hồ Nguyễn Trung	Hiếu								

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên:	Họ, tên: Tào Hoàng	Họ, tên:
1).....Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:
2).....Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232000345

Tên học phần: **Tổng hợp hóa dầu**

Mã học phần: **CHE10126**

Lớp: **1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	20140266	Nguyễn Trung	Hiếu		<i>Hiếu</i>	☐	9	6		chỉn sáu	
27	20140268	Phạm Thị	Hòa		<i>Noa</i>	☐	9	4		chỉn bốn	
28	20140272	Nguyễn Trương Thúy	Hồng		<i>Hồng</i>	☐	9	5		chỉn năm	
29	20140278	Hồ Xuân Vũ Quốc	Huy		<i>Huy</i>	☐	9	4		chỉn bốn	
30	20140289	Phạm Nhật	Khuyên		<i>Nz</i>	☐	9	6		chỉn sáu	
31	20140317	Trần Vĩnh	Nghi		<i>Trần</i>	☐	9	5		chỉn năm	
32	20140343	Bùi Quang	Phúc		<i>Bùi</i>	☐	9	6		chỉn sáu	
33	20140349	Nguyễn Thị Kim	Phương		<i>Kim</i>	☐	9	3		chỉn ba	
34	20140369	Vũ Nam	Thái		<i>Nam</i>	☐	9	3		chỉn ba	
35	20140371	Từ Thị Kim	Thanh		<i>Từ</i>	☐	9	5		chỉn năm	
36	20140377	Hàn Thị Xuân	Thảo		<i>Thảo</i>	☐	9	3		chỉn ba	
37	20140382	Dương Văn	Thiện		<i>Văn</i>	☐	9	3		chỉn ba	
38	20140385	Tôn Đức	Thịnh		<i>Đức</i>	☐	9	6		chỉn sáu	
39	20140417	Trịnh Thị Ngọc	Trang		<i>Trang</i>	☐	9	3		chỉn ba	
40	20140429	Nguyễn Cát	Tường		<i>Cát</i>	☐	9	3		chỉn ba	
41	20140439	Nguyễn Thị Tường	Vi		<i>Tường</i>	☐	9	5		chỉn năm	
42						☐					
43						☐					
44						☐					
45						☐					
46						☐					
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

Họ, tên:

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

Chữ ký:

Chữ ký:

2).....Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000346

Tên học phần: **Hóa hữu cơ ứng dụng 2**Mã học phần: **CHE10131**Lớp: **1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
1	18140171	Võ Đình	Cương		Cương			9	8	chín tám	
2	19140122	Lý Thanh	Bân		Bân			9	5	chín năm	
3	19140205	Nguyễn Bảo	Phúc								
4	19140364	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh		Hạnh			9	5	chín năm	
5	19140402	Lê Minh	Khang		Khang			9	8	chín tám	
6	19140534	Phan Việt	Quốc		Quốc			9	8	chín tám	
7	19140546	Trần Minh	Tài		Tài			9	5	chín năm	
8	19140549	Nguyễn Thanh	Tâm		Tâm			9	7	chín bảy	
9	19140612	Nguyễn Nhật	Trường		Trường			9	7	chín bảy	
10	19140649	Nguyễn Thị Bảo	Yến		Yến			9	5	chín năm	
11	20140005	Nguyễn Quốc	Hung		Hung			9	5	chín năm	
12	20140077	Nguyễn Thị Linh	Chi		Chi			9	5	chín năm	
13	20140121	Nguyễn Võ Quyền	Luân		Luân			9	5	chín năm	
14	20140128	Biện Thị Thanh	Ngân		Ngân			9	6	chín sáu	
15	20140163	Trần Vĩnh	Tân		Trần Vĩnh			9	6	chín sáu	
16	20140201	Bùi Lê Uyên	Vy		Vy			9	6	chín sáu	
17	20140214	Mai Thị Lan	Anh		Anh			9	5	chín năm	
18	20140220	Phan Thị Kim	Anh		Anh			9	5	chín năm	
19	20140226	Trương Ngô Chí	Bảo		Bảo			9	4	chín bốn	
20	20140228	Đỗ Thị	Châm		Châm			9	5	chín năm	
21	20140231	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Chi		Chi			9	5	chín năm	
22	20140232	Lê Minh	Chiến		Chiến			9	4	chín bốn	
23	20140249	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên		Duyên			9	6	chín sáu	
24	20140263	Nguyễn Thị Minh	Hiền		Hiền			9	6	chín sáu	
25	20140278	Hồ Xuân Vũ Quốc	Huy		Huy			9	5	chín năm	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

Họ, tên:

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

Chữ ký:

Chữ ký:

2).....Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232000347

Tên học phần: **Hóa hữu cơ ứng dụng 2**

Mã học phần: **CHE10131**

Lớp: **1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	20140296	Lê Thị Kim	Loan		<i>Loan</i>	☐	9	5		<i>chỉn năn</i>	
27	20140317	Trần Vĩnh	Nghi		<i>Trần</i>	☐	9	5		<i>chỉn năn</i>	
28	20140349	Nguyễn Thị Kim	Phuong		<i>Nguyễn</i>	☐	9	4		<i>chỉn bôn</i>	
29	20140369	Vũ Nam	Thái		<i>Vũ</i>	☐	9	5		<i>chỉn năn</i>	
30	20140371	Từ Thị Kim	Thanh		<i>Từ</i>	☐	9	5		<i>chỉn năn</i>	
31	20140376	Võ Lê Phương	Thành		<i>Thành</i>	☐	9	7		<i>chỉn bôn</i>	
32	20140377	Hàn Thị Xuân	Thảo		<i>Hàn</i>	☐	9	5		<i>chỉn năn</i>	
33	20140382	Dương Văn	Thiện		<i>Dương</i>	☐	9	5		<i>chỉn năn</i>	
34	20140404	Võ Thị Thùy	Tiên		<i>Võ</i>	☐	9	7		<i>chỉn bôn</i>	
35	20140417	Trịnh Thị Ngọc	Trang		<i>Trịnh</i>	☐	9	4		<i>chỉn bôn</i>	
36	20140429	Nguyễn Cát	Tường		<i>Nguyễn</i>	☐	9	4		<i>chỉn bôn</i>	
37						☐					
38						☐					
39						☐					
40						☐					
41						☐					
42						☐					
43						☐					
44						☐					
45						☐					
46						☐					
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

Họ, tên:

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

Chữ ký:

Chữ ký:

2).....Chữ ký:

Trần Văn



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002289

Tên học phần: **Sinh hóa môi trường**Mã học phần: **ENE10019**Lớp: **21CMT**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	19220144	Vũ Hoàng Đình	Nguyên								
2	20220030	Nguyễn Văn	Bình		<i>bs</i>			5	5	Năm năm	
3	20220061	Nguyễn Minh	Phước		<i>M. Phuc</i>			5	5	Năm năm	
4	20220092	Trần Công	Trứ		<i>TC</i>			5	5	Năm năm	
5	21220038	Ninh Hoàng	Phi		<i>Phi</i>			6	5	Sáu năm	
6	21220058	Nguyễn Kim Vân	Anh		<i>AK</i>			6	5	Sáu năm	
7	21220060	Trần Đức	Anh		<i>TD</i>			5	5	Năm năm	
8	21220061	Vân Trần Phương	Anh								
9	21220070	Nguyễn Lê Hải	Đặng		<i>DL</i>			9	0	chín không	
10	21220072	Nguyễn Tiến	Đạt		<i>DT</i>			8	0	Tám không	
11	21220077	Trần Thị Hương	Giang		<i>GT</i>			9	0	chín không	
12	21220078	Lê Thanh	Hải		<i>LT</i>			9	5	chín năm	
13	21220081	Ngô Thị Mỹ	Hoa		<i>NTM</i>			6	0	Sáu không	
14	21220090	Nguyễn Đình Gia	Huy		<i>NDG</i>			8	5	Tám năm	
15	21220093	Nguyễn Thế	Khang		<i>NT</i>			6	0	Sáu không	
16	21220096	Trần Minh	Khoa		<i>TM</i>			8	0	Tám không	
17	21220106	Nguyễn Thị	Lụa		<i>NTL</i>			9	0	chín không	
18	21220107	Nguyễn Ngọc Phương	Mai		<i>NNP</i>			9	5	chín năm	
19	21220108	Nguyễn Thị Ngọc	Mai		<i>NTN</i>			9	5	chín năm	
20	21220110	Trần Thị Thanh	Mai		<i>TTT</i>			9	5	chín năm	
21	21220111	Lê Quang	Minh		<i>LQ</i>			5	5	Năm năm	
22	21220112	Nguyễn Dương Hoài	Nam		<i>NDH</i>			7	5	Bảy năm	
23	21220117	Nguyễn Trương Hoàng	Nguyên		<i>NTZ</i>			7	5	Bảy năm	
24	21220118	Ngô Thanh	Nhân		<i>NT</i>			9	5	chín năm	
25	21220125	Lê Duy	Phương		<i>LD</i>			9	5	chín năm	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1).....Chữ ký: 2).....Chữ ký:	Họ, tên: <i>Đặng Diệp Yên Nga</i> Chữ ký: <i>Yên Nga</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002290

Tên học phần: **Sinh hóa môi trường**Mã học phần: **ENE10019**Lớp: **21CMT**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
26	21220130	Trần Thị Mỹ	Quyền			☐		8	5	Tám năm	
27	21220132	Thạch Hồng Bảo	Son			☐		9	5	chín năm	
28	21220133	Lê Nguyễn Ngọc	Thanh			☐		9	0	chín không	
29	21220144	Đỗ Ngọc	Trâm			☐		9	5	chín năm	
30	21220145	Nguyễn Trần Minh	Trang			☐		8	5	Tám năm	
31	21220155	Vũ Cát	Tường			☐		9	5	chín năm	
32						☐					
33						☐					
34						☐					
35						☐					
36						☐					
37						☐					
38						☐					
39						☐					
40						☐					
41						☐					
42						☐					
43						☐					
44						☐					
45						☐					
46						☐					
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1).....Chữ ký: 2).....Chữ ký:	Họ, tên: <u>Đặng Diệp Yên Nga</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002298

Tên học phần: **Kỹ thuật cải tạo đất**

Mã học phần: **ENE10102**

Lớp: **20CMT**

Ngày thi: **29/5/2023**

Giờ thi: **9h00 - 10h00**

Phòng thi: **F106 - LT**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	19220150	Lê Thị Mỹ	Nhung		<i>LN</i>	☐	5	5		Năm phẩy năm	
2	19220164	Dương Ngọc	Tâm		<i>Th</i>	☐	6	5		Sáu phẩy năm	
3	20220002	Mai Thành	Đạt		<i>MT</i>	☐	5	5		Năm phẩy năm	
4	20220008	Nguyễn Đăng	Khoa		<i>Khoa</i>	☐	6	0		Sáu	
5	20220023	Nguyễn Hoàng	Việt		<i>VH</i>	☐	6	5		Sáu phẩy năm	
6	20220027	Đặng Hoàng Gia	Ân		<i>DHG</i>	☐	6	0		Sáu	
7	20220028	Đoàn Lê Bích	Anh		<i>DLB</i>	☐	7	5		Bảy phẩy năm	
8	20220030	Nguyễn Văn	Bình		<i>NV</i>	☐	5	0		Năm	
9	20220033	Trần Bình	Định		<i>TB</i>	☐	7	5		Bảy phẩy năm	
10	20220035	Phan Thị Hương	Giang		<i>PTH</i>	☐	6	0		Sáu	
11	20220038	Thân Hữu Minh	Hòa		<i>THM</i>	☐	6	5		Sáu phẩy năm	
12	20220040	Nguyễn Lương Gia	Huy		<i>NLG</i>	☐	6	5		Sáu phẩy năm	
13	20220042	Mai Ngọc	Huyền		<i>MG</i>	☐	7	5		Bảy phẩy năm	
14	20220044	Nguyễn Đào Anh	Khoa		<i>ND</i>	☐	6	5		Sáu phẩy năm	
15	20220046	Trần Nhật	Linh		<i>TN</i>	☐	6	5		Sáu phẩy năm	
16	20220049	Trần Thị Kiều	Mi		<i>TTK</i>	☐	6	0		Sáu	
17	20220053	Nguyễn Hoàng Thanh	Như		<i>NHT</i>	☐	7	5		Bảy phẩy năm	
18	20220054	Phan Quỳnh	Như		<i>PN</i>	☐	8	0		Tám	
19	20220055	Lâm Tuyết	Nhung		<i>LT</i>	☐	6	5		Sáu phẩy năm	
20	20220060	Trần Quang	Phụng		<i>TQ</i>	☐	6	5		Sáu phẩy năm	
21	20220069	Đặng Tấn	Tài		<i>DT</i>	☐	6	0		Sáu	
22	20220070	Nguyễn Thiên	Tài		<i>NT</i>	☐	8	0		Tám	
23	20220071	Nguyễn Chí	Tâm		<i>NCT</i>	☐	8	0		Tám	
24	20220072	Võ Minh	Tân		<i>VM</i>	☐	7	0		Bảy	
25	20220075	Nguyễn Đào Phương	Thảo		<i>NDP</i>	☐	6	5		Sáu phẩy năm	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Hồ Trương Nam Hải</i> Chữ ký: <i>HTNH</i> 2) Chữ ký:	Họ, tên: <i>Hồ Trương Nam Hải</i> Chữ ký: <i>HTNH</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002299

Tên học phần: **Kỹ thuật cải tạo đất**

Mã học phần: ENE10102

Lớp: **20CMT**

Ngày thi: **29/5/2023** Giờ thi: **9h00 - 10h00**

Phòng thi: **F106-LT**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
26	20220076	Trần Thị Thu	Thảo			☐		6	5	Sáu phẩy năm	
27	20220078	Nguyễn Thị Đăng	Thi			☐		7	5	Bảy phẩy năm	
28	20220083	Cao Thị Nhật	Thương			☐		6	0	Sáu	
29	20220084	Nguyễn Thị Diệu	Thùy			☐		7	0	Bảy	
30	20220087	Nguyễn Khánh	Trang			☐		6	5	Sáu phẩy năm	
31	20220093	Nguyễn Thị	Trúc			☐		8	0	Tám	
32	20220099	Phan Thị Bích	Tuyền			☐		8	5	Tám phẩy năm	
33	20220100	Nguyễn Công	Ty			☐		9	0	Chín	
34	20220103	Nguyễn Hoàng Thanh	Ý			☐		6	5	Sáu phẩy năm	
35						☐					
36						☐					
37						☐					
38						☐					
39						☐					
40						☐					
41						☐					
42						☐					
43						☐					
44						☐					
45						☐					
46						☐					
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Hồ Trường Nam Hải</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Hồ Trường Nam Hải</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2)..... Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001853

Tên học phần: **Đo và thiết bị đo**Mã học phần: **ETC10003**Lớp: **21DTV1**Ngày thi: **28/04/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **F202**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
1	1720142	Trương Phước	Long		<i>Long</i>	☐		6		Suất	
2	18200075	Phạm Công	Danh		<i>Phạm</i>	☐	1	0		Mười	
3	18200235	Trương Trần Huỳnh	Thành		<i>Trương</i>	☐		9		Chín	
4	18200238	Trịnh Quang	Thế		<i>Trịnh</i>	☐		8		Tám	
5	19200341	Nguyễn Duy	Khánh		<i>Khánh</i>	☐		8		Tám	
6	19200373	Trần Minh Trí	Mẫn		<i>Trần</i>	☐		5		Năm	
7	19200383	Trương Quang	Minh		<i>Trương</i>	☐		8		Tám	
8	19200395	Trần Hiếu	Nghĩa		<i>Trần</i>	☐		8		Tám	
9	19200409	Phạm Minh	Nhật			☒					
10	19200446	Phan Đức Công	Quang		<i>Phan</i>	☐		9		Chín	
11	19200500	Huỳnh Thanh	Thịnh		<i>Huỳnh</i>	☐		9		Chín	
12	19200512	Bùi Minh	Thuận		<i>Bùi</i>	☐	1	0		Mười	
13	20200033	Đoàn Tuấn	Hùng			☒					
14	20200046	Nguyễn Huỳnh Đăng	Khoa		<i>Nguyễn</i>	☐		8		Tám	
15	20200060	Nguyễn Thành	Nhân		<i>Nguyễn</i>	☐		8		Tám	
16	20200070	Dương Đông	Quân		<i>Dương</i>	☐		1		Một	
17	20200072	Nguyễn Lê Nhật	Quang		<i>Nguyễn</i>	☐		2		Hai	
18	20200074	Huỳnh Ngọc	Sang			☒					
19	20200093	Quách Minh	Thịnh		<i>Quách</i>	☐		9		Chín	
20	20200100	Đinh Ngô	Tiên		<i>Đinh</i>	☐		9		Chín	
21	20200106	Lê Hoàng	Trung		<i>Lê</i>	☐		7		Bảy	
22	20200133	Nguyễn Vũ	Bằng		<i>Nguyễn</i>	☐		0		Không	
23	20200142	Võ Lý	Bình		<i>Võ</i>	☐		8		Tám	
24	20200147	Võ Thành	Công		<i>Võ</i>	☐		7		Bảy	
25	20200161	Ngô Xuân	Đạt		<i>Ngô</i>	☐		9		Chín	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Phạm Phú Tuấn Kiệt</i> 1) <i>Phạm Phú Tuấn Kiệt</i> Chữ ký: <i>PK</i> 2) <i>Lê Thị Ngọc Hòa</i> Chữ ký: <i>LH</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Xuân Vinh</i> Chữ ký: <i>NXV</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001854

Tên học phần: **Đo và thiết bị đo**

Mã học phần: ETC10003

Lớp: **21DTV1**

Ngày thi: **28/04/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F202**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
26	20200164	Trần Phát	Đạt			☐		4		Bôn'	
27	20200168	Nguyễn Khang	Du			☐		9		Chín'	
28	20200193	Nguyễn Hồng	Hiền			☐	1	0		Mười	
29	20200230	Nguyễn Xuân Văn	Khánh			☐		9		Chín'	
30	20200240	Nguyễn Tuấn	Kiệt			☐		4		Bôn'	
31	20200252	Huỳnh Văn Vũ	Luân			☐		7		Bảy	
32	20200263	Hỷ Phong	Minh			☐		9		Chín'	
33	20200276	Thượng Thái	Nghĩa			☐		6		Sáu	
34	20200280	Trần Bích	Ngọc			☐		8		Tám	
35	20200283	Nguyễn Trọng	Nguyễn			☐	1	0		Mười	
36	20200303	Nguyễn Thuận	Phát			☐		5		Năm	
37	20200324	Lê Trung Anh	Quốc			☐		8		Tám	
38	20200341	Hoàng Minh	Thanh			☐	1	0		Mười	
39	20200349	Nguyễn Đức	Thịnh			☒					
40	20200405	Phan Quốc	Tuấn			☐	1	0		Mười	
41	20200419	Nguyễn Duy	Vinh			☐		9		Chín'	
42	20200426	Huỳnh Phước	Xuyên			☐		9		Chín'	
43	21200006	Hoàng Đức	Duy			☐		9		Chín'	
44	21200009	Nguyễn Xuân	Hoàng			☐		9		Chín'	
45	21200014	Nguyễn Hoàng	Nguyễn			☐		9		Chín'	
46	21200023	Nguyễn Lê	Vũ			☐		9		Chín'	
47	21200024	Lê Quốc	An			☐	1	0		Mười	
48	21200026	Nguyễn Trường	An			☐	1	0		Mười	
49	21200027	Hà Quốc	Anh			☐	1	0		Mười	
50	21200028	Lê Nguyễn Tuấn	Anh			☐		6		Sáu	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>ĐNT Tâm</u> Chữ ký: <u>[Signature]</u> 2) <u>Phạm Phú Cường</u> Chữ ký: <u>[Signature]</u>	Họ, tên: <u>Nguyễn Xuân Vinh</u> Chữ ký: <u>[Signature]</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001855

Tên học phần: **Đo và thiết bị đo**

Mã học phần: **ETC10003**

Lớp: **21DTV1**

Ngày thi: **28/04/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F202**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	21200034	Trần Nguyễn Hoàng Minh	Anh					8		Tam	
52	21200036	Võ Lê Đức	Anh					7		Bảy	
53	21200037	Đặng Hoàng Nguyên	Bảo								
54	21200038	Lý Hoàng	Bảo					5		Năm	
55	21200041	Trần Nguyễn Thiên	Bảo					9		Chín	
56	21200047	Đinh Đức	Chung					9		Chín	
57	21200055	Nguyễn Trần Anh	Đạt					5		Năm	
58	21200064	Nguyễn Trung	Dũng					8		Tam	
59	21200065	Trần Anh	Dũng				1	0		Mười	
60	21200066	Vương Nguyễn Tiến	Dũng					9		Chín	
61	21200067	Bùi Khánh	Duy					5		Năm	
62	21200068	Bùi Quốc	Duy					9		Chín	
63	21200069	Chế Hoàng	Duy					6		Sáu	
64	21200071	Lê Đức	Duy					9		Chín	
65	21200075	Trần Đức	Duy					9		Chín	
66	21200091	Nguyễn Huy	Hoàng					9		Chín	
67	21200092	Vũ Hiếu	Hoàng					9		Chín	
68	21200093	Trần Thanh	Hồng					9		Chín	
69	21200095	Đặng Phan Quốc	Hùng					6		Sáu	
70	21200098	Nguyễn Ngọc	Hưng				1	0		Mười	
71	21200101	Lê Nhất	Huy					9		Chín	
72	21200103	Trương Nguyễn Quang	Huy					5		Năm	
73	21200106	Nguyễn Đoàn Nguyên	Khang					9		Chín	
74	21200110	Hoàng Bảo	Khánh					3		Ba	
75	21200115	Nguyễn Đăng	Khoa					6		Sáu	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Lê Thị Ngọc Hoa</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Nguyễn Xuân Việt</u>	Họ, tên:
2) <u>Đ.N.T. Trâm</u> Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001851

Giữa kỳ

Tên học phần: **Đo và thiết bị đo**

Mã học phần: **ETC10003**

Lớp: **21DTV1**

Ngày thi: **28/04/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F106**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
1	21200124	Phạm Khánh	Linh				1	0		Mười	
2	21200131	Lê Quang	Luật					9		Chín	
3	21200139	Nguyễn Quang	Minh				1	0		Mười	
4	21200147	Lê Tấn	Nam					9		Chín	
5	21200150	Trần Văn	Nghĩa					9		Chín	
6	21200162	Hoàng Bùi An	Ninh					9		Chín	
7	21200167	Nguyễn Minh	Phát				1	0		Mười	
8	21200176	Nguyễn Hòa	Phúc					9		Chín	
9	21200192	Nguyễn Nho Đăng	Quang					8		Tám	
10	21200199	Nguyễn Thanh	Sang				1	0		Mười	
11	21200200	Nguyễn Nam	Son					2		Hai	
12	21200201	Phạm Hoàng	Son					3		Ba	
13	21200202	Trịnh Hải	Son					9		Chín	
14	21200203	Vũ Nam	Son				1	0		Mười	
15	21200210	Lê Đình Quốc	Thái					8		Tám	
16	21200214	Nguyễn Tiến	Thắng					9		Chín	
17	21200218	Nguyễn Minh	Thiện					9		Chín	
18	21200237	Nguyễn Trung	Tính					5		Năm	
19	21200241	Nguyễn Đăng	Trí								
20	21200242	Nguyễn Huỳnh Minh	Trí					9		Chín	
21	21200247	Trần Quốc	Trung				1	0		Mười	
22	21200249	Hoàng Hữu	Tú					9		Chín	
23	21200250	Trần Anh	Tú					3		Ba	
24	21200252	Trần Vĩnh	Tường					9		Chín	
25	21200255	Nguyễn Quốc	Việt					0		Không	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên:	Họ, tên:	Họ, tên:
1)	Chữ ký:	Chữ ký:
2)		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001852

Tên học phần: **Đo và thiết bị đo**

Mã học phần: ETC10003

Lớp: 21DTV1

Ngày thi: 28/04/2023

Giờ thi: 10g15

Phòng thi: F106

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	21200256	Chu Quang	Vinh			☐		5		Năm	
27	21200260	Nguyễn Minh	Vượng			☐		9		Chín	
28	21200262	Nguyễn Đức	Yên			☐		8		Tám	
29	21200268	Nguyễn Chiêu	Bảo			☐		9		Chín	
30	21200269	Nguyễn Gia	Bảo			☐		9		Chín	
31	21200270	Phạm Hoàng Gia	Bảo			☐		7		Bảy	
32	21200271	Đặng Nhật	Bình			☐	1	0		Mười	
33	21200272	Nguyễn Đức Việt	Bình			☐		9		Chín	
34	21200273	Châu Chí	Cường			☐		6		Sáu	
35	21200278	Nguyễn Tiến	Đạt			☐		6		Sáu	
36	21200285	Võ Tư	Hải			☐		8		Tám	
37	21200298	Phạm Hoàng	Khải			☐	1	0		Mười	
38	21200302	Nguyễn Hồ Tuấn	Kiệt			☐		7		Bảy	
39	21200307	Võ Thị	Lên			☐		9		Chín	
40	21200313	Nguyễn Công	Minh			☐		9		Chín	
41	21200321	Trương Thị Quỳnh	Nhi			☐		5		Năm	
42	21200335	Đoàn Tôn Việt	Phương			☐		3		Ba	
43	21200337	Nguyễn Hồng	Quân			☐		9		Chín	
44	21200345	Hồ Xuân	Sang			☐		9		Chín	
45	21200358	Trần Hữu	Thức			☐		8		Tám	
46	21200364	Bồ Quốc	Triệu			☐		8	5	Tám rưỡi	
47	21200365	Võ Minh	Trung			☐		8		Tám	
48	21200370	Trần Quốc	Việt			☐		9		Chín	
49	21200372	Trần Nguyễn Tường	Vũ			☐		8		Tám	
50	21200374	Mai Thị Cẩm	Ly			☐		8		Tám	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký: 2) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002357

Tên học phần: **Quang tinh - Khoáng vật tạo đá**Mã học phần: **GEO10005**Lớp: **21DCH**Ngày thi: **8/5/2023**Giờ thi: **7h 30**Phòng thi: **A201**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	19160032	Trương Văn	Quang								
2	20160006	Lê Phạm Quỳnh	Trang				8	3		Tám ba	
3	20160008	Lê Hải	Yến				6	0		Sáu không	
4	20160011	Lê Chí	Bằng				4	0		Bốn không	
5	20160012	Lê Nguyễn Ngọc	Hân				8	8		Tám tám	
6	20160017	Phạm Bá	Nghĩa				4	5		Bốn năm	
7	21160007	Lê Thị Kiều	Chinh				8	8		Tám tám	
8	21160021	Võ Huỳnh Gia	Hân				8	3		Tám ba	
9	21160022	Trần Trung	Hậu				8	8		Tám tám	
10	21160025	Đặng Vĩnh	Khang				7	0		Bảy không	
11	21160027	Trần Nguyễn Bảo	Khanh				6	3		Sáu ba	
12	21160028	Phạm Quốc	Khánh				8	0		Tám không	
13	21160031	Hồ Nguyễn Minh	Luân				8	5		Tám năm	
14	21160034	Lê Trúc	Nhi				5	8		Năm tám	
15	21160035	Trần Thị Yến	Nhi								
16	21160037	Mai Xuân	Nhật				9	0		Chín không	
17	21160039	Nguyễn Phong	Phú				9	3		Chín ba	
18	21160041	Đặng Tiến	Tâm				5	8		Năm tám	
19	21160042	Nguyễn Thiên	Tân				4	8		Bốn tám	
20	21160045	Trần Thiên	Tường				3	5		Ba năm	
21	21160046	Đặng Thị Phương	Uyên				5	3		Năm ba	
22											
23											
24											
25											

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Bùi Kim Ngọc</u> Chữ ký: <u>Bùi Kim Ngọc</u> 2) <u>Phạm Minh</u> Chữ ký: <u>Phạm Minh</u>	Họ, tên: <u>Bùi Kim Ngọc</u> Chữ ký: <u>Bùi Kim Ngọc</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002365

Tên học phần: **Quang tính - Khoáng vật**Mã học phần: **GEO10053**Lớp: **21KDC**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	21270009	Lê Quốc	Duy								
2	21270010	Đoàn	Luận				5	8		Năm tám	
3	21270011	Phạm Hoàng	Phúc				4	9		Bốn chín	
4	21270013	Phan Phước	Sang				9	2		chín hai	
5	21270015	Lương Thành	Thống				6	0		Sáu không	
6	21270017	Lê Nguyễn Minh	Trí				6	3		Sáu ba	
7											
8											
9											
10											
11											
12											
13											
14											
15											
16											
17											
18											
19											
20											
21											
22											
23											
24											
25											

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:		Họ, tên:		Họ, tên:	
1)	Chữ ký:	1)	Chữ ký:		
2)	Chữ ký:	2)	Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001130

Tên học phần: **Vi tích phân 2B**Mã học phần: **MTH00004**Lớp: **22VLH2**Ngày thi: **04/05/2023**Giờ thi: **09g00**Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	18130151	Nguyễn Hữu	Trúc								
2	18200136	Bùi Đình	Khải					8	0		
3	19120048	Hồ Nguyễn Trâm	Anh					6	0		
4	19130158	Huỳnh Thanh	Hiền					9	0		
5	20120359	Nguyễn Đức	Quang					8	0		
6	20130022	Nguyễn Nguyên	Hạo					8	0		
7	20130062	Nguyễn Lê Phương	Anh					8	0		
8	20130068	Hoàng Phạm Thành	Đạt					8	0		
9	20200090	Trần Thuận	Thiên					4	0		
10	20200356	Lưu Vĩnh	Thuận								
11	22130004	Lê Hoàng	Anh				1	0	0		
12	22130005	Nguyễn Thụy Vân	Anh					9	0		
13	22130012	Vũ Đức	Anh					7	0		
14	22130019	Nguyễn Gia	Bảo					9	0		
15	22130021	Nguyễn Vũ Huy	Bảo					6	0		
16	22130026	Nguyễn Phú	Cường								
17	22130027	Nguyễn Thanh	Cường					9	0		
18	22130031	Bùi Thị Oanh	Đào								
19	22130036	Đỗ Thế	Dũng					9	0		
20	22130040	Cao Khánh	Duy					8	0		
21	22130043	Hồ Em Ma Nu	Ên					7	5		
22	22130049	Trương Nguyễn Ngọc	Hân					8	0		
23	22130050	Nguyễn Minh	Hiếu					5	0		
24	22130051	Trần Nguyễn Trung	Hiếu					6	0		
25	22130053	Nguyễn Thái	Hòa					9	5		

Cán bộ coi thi

Họ, tên:
1) Nguyễn Thị Nga..... Chữ ký:
2) Nguyễn Văn Thống..... Chữ ký:

Cán bộ chấm thi

Họ, tên:
Chữ ký:

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001131

Tên học phần: **Vi tích phân 2B**

Mã học phần: **MTH00004**

Lớp: **22VLH2**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
26	22130054	Nguyễn Thanh	Hòa		<i>Hòa</i>	☐		8	0		
27	22130055	Nguyễn Thị Thu	Hồng		<i>Hồng</i>	☐		9	5		
28	22130065	Gíp Sinh	Huy		<i>Gíp</i>	☐		7	5		
29	22130069	Nguyễn Trọng	Huy		<i>Trọng</i>	☐		2	0		
30	22130074	Cù Khắc Quốc	Khâm		<i>Quốc</i>	☐		6	0		
31	22130080	Nguyễn Gia	Khiêm		<i>Khiêm</i>	☐		8	0		
32	22130088	Trần Văn	Lĩnh		<i>Lĩnh</i>	☐		8	5		
33	22130092	Vũ Mạnh	Lộc		<i>Lộc</i>	☐		9	0		
34	22130095	Chu Hành Cảnh	Lục		<i>Lục</i>	☐		1	0		
35	22130097	Ngô Ngọc Cẩm	Ly		<i>Ngô</i>	☐		8	0		
36	22130103	Trần Nguyễn Anh	Minh		<i>Anh</i>	☐		8	0		
37	22130104	Phan Thanh	Muộn		<i>Muộn</i>	☐		9	0		
38	22130111	Nguyễn Kim Hà	Ngân		<i>Ngân</i>	☐		6	5		
39	22130117	Huỳnh Phan Bảo	Ngọc		<i>Ngọc</i>	☐		8	5		
40	22130118	Nguyễn Hồng	Ngọc		<i>Hồng</i>	☐		9	0		
41	22130119	Nguyễn Như	Ngọc			☒					
42	22130120	Phan Thị Thu	Ngọc		<i>Thu</i>	☐		9	0		
43	22130121	Trương Gia	Ngọc			☒					
44	22130123	Nguyễn Ngọc	Nguyên		<i>Ngọc</i>	☐		8	5		
45	22130124	Nguyễn Trần Thảo	Nguyên		<i>Thảo</i>	☐		6	0		
46	22130125	Trần Ngọc Phương	Nguyên			☒					
47	22130126	Trần Nguyễn Thanh	Nguyên		<i>Thanh</i>	☐		9	0		
48	22130129	Lê Minh	Nhật		<i>Nhật</i>	☐		7	5		
49	22130131	Nguyễn Quỳnh	Nhi		<i>Nhi</i>	☐		7	0		
50	22130132	Nguyễn Thị Khánh	Nhi		<i>Khánh</i>	☐		5	0		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Nguyễn Văn Thắng</i> Chữ ký: <i>NTS</i>	Họ, tên: <i>Lê Văn</i> Chữ ký: <i>Lê Văn</i>	Họ, tên: _____ Chữ ký: _____
2) <i>Nguyễn Thị Nga</i> Chữ ký: <i>NTN</i>		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001132

Tên học phần: **Vi tích phân 2B**

Mã học phần: **MTH00004**

Lớp: **22VLH2**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	22130135	Nguyễn Minh	Như		<i>Như</i>	☐		8	5		
52	22130137	Tạ Ngọc Hoàng	Phát			☒					
53	22130138	Nguyễn Lê Mạnh	Phi		<i>Phi</i>	☐		8	0		
54	22130139	Phạm Thanh	Phong			☒					
55	22130140	Nguyễn Thiên	Phúc		<i>Phúc</i>	☐		6	5		
56	22130141	Trịnh Tấn	Phúc		<i>Phúc</i>	☐		9	5		
57	22130142	Đoàn Lê Phi	Phụng		<i>Phụng</i>	☐		9	5		
58	22130145	Trương Ngô Ân	Phượng		<i>Phượng</i>	☐		9	5		
59	22130146	Phạm Đăng	Quang		<i>Đ</i>	☐		9	0		
60	22130147	Phạm Minh	Quang		<i>Quang</i>	☐		9	0		
61	22130148	Trần Duy	Quý		<i>Q</i>	☐		7	0		
62	22130149	Lê Võ Bảo	Quyên		<i>Quyên</i>	☐		2	0		
63	22130151	Trần Hương	Quỳnh			☒					
64	22130152	Trần Thảo Như	Quỳnh			☒					
65	22130154	Ngô Thanh	Sang		<i>S</i>	☐		7	0		
66	22130155	Hoàng Chí	Sĩ		<i>S</i>	☐		8	0		
67	22130156	Huỳnh Trần Hoàng	Son		<i>S</i>	☐		7	5		
68	22130157	Lê Bá	Son		<i>S</i>	☐		9	0		
69	22130158	Trần Thanh	Son		<i>S</i>	☐		9	0		
70	22130159	Nguyễn Huỳnh	Tâm		<i>T</i>	☐		9	5		
71						☐					
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Nguyễn Văn Thắng</i> ... Chữ ký: <i>NT</i> 2) <i>Nguyễn Thị Nga</i> ... Chữ ký: <i>YN</i>	Họ, tên: <i>Lý Khoa</i> Chữ ký: <i>h</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001128

Tên học phần: **Vi tích phân 2B**Mã học phần: **MTH00004**Lớp: **22VLH2**Ngày thi: **04/05/2023**Giờ thi: **09g00**Phòng thi: **F205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	22130160	Lê Duy	Thắng		<i>Thang</i>	☐		9	0		
2	22130161	Lê Phan Quốc	Thắng		<i>Le Phan</i>	☐		7	5		
3	22130162	Phạm Bùi Quốc	Thắng		<i>Thang</i>	☐		8	0		
4	22130163	Trần Ngọc Toàn	Thắng		<i>Tran</i>	☐		7	5		
5	22130169	Phạm Phúc	Thịnh		<i>Pham</i>	☐		6	0		
6	22130170	Hồ Tấn	Thông		<i>Hong</i>	☐		4	5		
7	22130171	Trần Lê Quốc	Thông		<i>Tran</i>	☐		9	0		
8	22130172	Đoàn Võ Anh	Thư		<i>Duan</i>	☐		4	5		
9	22130175	Nguyễn Ngọc Minh	Thư		<i>Nguyen</i>	☐		4	5		
10	22130176	Lương Đức	Thuận		<i>Luong</i>	☐		8	0		
11	22130177	Phan Lê Minh	Thuận		<i>Phan</i>	☐		9	0		
12	22130178	Phan Thị Khánh	Thuận		<i>Phan</i>	☐		8	0		
13	22130179	Hồ Thị Hà	Tiên		<i>Hong</i>	☐		7	5		
14	22130181	Ngô Nguyễn Thủy	Tiên		<i>Nguyen</i>	☐		7	5		
15	22130182	Cao Văn	Tiến		<i>Cao</i>	☐		7	0		
16	22130184	Nguyễn Hạo	Tiến		<i>Nguyen</i>	☐		8	5		
17	22130185	Nguyễn Minh	Tiến			☒					
18	22130186	Trần Nhật	Tiến		<i>Tran</i>	☐		6	0		
19	22130187	Vũ Mạnh	Tiến		<i>Vu</i>	☐		7	5		
20	22130188	Lê Hoàng Trí	Tín		<i>Le</i>	☐		9	5		
21	22130189	Nguyễn Trí	Tín			☒					
22	22130192	Phan Thị Quỳnh	Trâm		<i>Phan</i>	☐		7	0		
23	22130194	Nguyễn Thị Huyền	Trang		<i>Nguyen</i>	☐		8	5		
24	22130195	Nguyễn Võ Yến	Trang		<i>Nguyen</i>	☐		9	0		
25	22130196	Trần Ngọc Thu	Trang		<i>Tran</i>	☐		8	5		

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: *Lê Duy*
1) *Lê Duy* Chữ ký: *[Signature]*
2) *Trần Thị Thanh Dung* Chữ ký: *[Signature]*

Họ, tên: *Lê Duy*
Chữ ký: *[Signature]*

Họ, tên: *[Signature]*
Chữ ký: *[Signature]*



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001129

Tên học phần: **Vi tích phân 2B**

Mã học phần: **MTH00004**

Lớp: **22VLH2**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **F205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	22130197	Phan Trọng	Trí								
27	22130198	Lê Tiến	Triển								
28	22130199	Nguyễn Ngô Thùy	Trinh		<i>Thuy</i>			8	5		
29	22130200	Thân Phương	Trinh		<i>Trinh</i>			8	5		
30	22130201	Nguyễn Chí	Trọng		<i>Trọng</i>			5	0		
31	22130202	Lê Quách Hoài	Trung		<i>Hoai</i>			7	0		
32	22130203	Nguyễn Việt	Trung		<i>Vi</i>			5	0		
33	22130205	Hà Xuân	Trương		<i>Ha</i>			9	5		
34	22130207	Trương Ngọc Hồng	Tú		<i>Ngoc Hong</i>			4	0		
35	22130209	Lê Hoàng	Tuấn								
36	22130211	Lương Tiểu	Tuệ		<i>Tieu</i>			8	5		
37	22130212	Lê Thanh	Tùng								
38	22130213	Huỳnh Nguyễn Kim	Tuyền		<i>Kim</i>			7	0		
39	22130215	Võ Thiện	Văn		<i>Thien</i>			9	5		
40	22130217	Đỗ Huỳnh Gia	Vĩ		<i>Gia</i>			7	0		
41	22130218	Phan Thành	Vinh								
42	22130219	Vũ Thiên	Vinh		<i>Thien</i>			8	0		
43	22130220	Trần Thiện	Vương		<i>Thien</i>			8	5		
44	22130221	Huỳnh	Vy								
45	22130223	Lý Khả	Vy		<i>Khả</i>			8	5		
46	22130224	Nguyễn Trần Lan	Vy		<i>Lan</i>			9	5		
47	22130226	Hà Mỹ	Xuân		<i>My</i>			7	5		
48	22130227	Lê Như	Ý		<i>Nhu</i>			7	5		
49	22130228	Đoàn Hải	Yến		<i>Hai</i>			5	0		
50	22130229	Phan Thị Hải	Yến		<i>Thi Hai</i>		9	9	0		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Trần Thanh Dương</i> Chữ ký: <i>Thuy</i> 2) <i>Lê Duy Tiến</i> Chữ ký: <i>Ha</i>	Họ, tên: <i>Ly</i> Chữ ký: <i>Ha</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232002620

Tên học phần: **Giải tích số 1**Mã học phần: **MTH10410**Lớp: **21TTH**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
1	19110113	Nguyễn Hoàng	Minh					6	0	Sáu tròn	
2	19110215	Đoàn Nguyễn Phương	Trang					6	5	Sáu chẵn năm	
3	19110228	Nguyễn Huỳnh Cẩm	Tú					8	5	Tám chẵn năm	
4	19110256	Lâm Thiên	Ân					7	5	Bảy chẵn năm	
5	19110389	Lê Ngọc Thanh	Ngân					6	0	Sáu tròn	
6	20110234	Đặng Xuân	Mai				1	0	0	Mười	
7	20110255	Bùi Tiến	Nguyễn					9	5	Chín chẵn năm	
8	21110003	Trần Nguyễn Nam	Hưng				1	0	0	Mười	
9	21110025	Đào Lê Anh	Thư					6	5	Sáu chẵn năm	
10	21110035	Phạm Quốc	Anh				1	0	0	Mười	
11	21110089	Võ Kế	Hoàng				1	0	0	Mười	
12	21110114	Võ Anh	Khôi					9	0	Chín tròn	
13	21110154	Hồ Nghĩa	Phương					6	0	Sáu tròn	
14	21110170	Lê Phan Anh	Tài				1	0	0	Mười	
15	21110171	Trần Hữu	Tài					9	0	Chín tròn	
16	21110189	Trần Minh	Thông					9	0	Chín tròn	
17	21110196	Phạm Ngọc	Trai					9	5	Chín chẵn năm	
18	21110266	Trần Thủy	Đình				1	0	0	Mười	
19	21110288	Nguyễn Sơn	Hải					9	5	Chín chẵn năm	
20	21110335	Hoàng Gia	Long					7	5	Bảy chẵn năm	
21	21110356	Võ Hoàng	Nhật					9	0	Chín tròn	
22	21110376	Nguyễn Nguyên	Quý					7	0	Bảy tròn	
23	21110383	Cao Minh	Sơn					5	0	Năm tròn	
24	21110387	Nguyễn Tuấn	Tài					8	0	Tám tròn	
25	21110399	Lê Thanh	Thảo					1	0	Một tròn	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1).....Chữ ký: 2).....Chữ ký:	Họ, tên:Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232002621

Tên học phần: **Giải tích số 1**

Mã học phần: **MTH10410**

Lớp: **21TTH**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
26	21110404	Nguyễn Phúc	Thọ		Thọ	☐		8	0	Tám tưng	
27	21110436	Thái Đỗ Anh	Tuấn		Tuấn	☐		9	5	Chín chũm năm	
28	21110441	Nguyễn	Tuyền		Tu	☐		6	5	Sáu chũm năm	
29	21110446	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết		Tu	☐		9	5	Chín chũm năm	
30	21110458	Nguyễn Thái	Điền		Tu	☐		7	5	Bảy chũm năm	
31						☐					
32						☐					
33						☐					
34						☐					
35						☐					
36						☐					
37						☐					
38						☐					
39						☐					
40						☐					
41						☐					
42						☐					
43						☐					
44						☐					
45						☐					
46						☐					
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:	Họ, tên:	Họ, tên:	Họ, tên:	Họ, tên:	Họ, tên:
1).....Chữ ký:	1).....Chữ ký:	2).....Chữ ký:	2).....Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:
2).....Chữ ký:					

(20%)

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT

Học kỳ: 2/22-23

122232006338



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT



Tên học phần: **Đại số hiện đại**

Mã học phần: **MTH10421**

Lớp: **21TTH**

Ngày thi: **27/06/2023**

Giờ thi: **13g30**

Phòng thi: **E304**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm cuối kỳ			Điểm tổng kết			Điểm chữ (chỉ ghi điểm tổng kết)	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần	Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	1711208	Nguyễn Hồng	Phát		<i>Phát</i>		0	0	0					
2	19110370	Trần Gia	Long		<i>Nguyễn LP</i>			5	6					
3	20110075	Cao Quang	Nhật		<i>Quang</i>			5	6					
4	20110288	Đoàn Minh	Quân					3	4					
5	20110298	Biện Phát	Tài		<i>Phát</i>			6	0					
6	21110003	Trần Nguyễn Nam	Hưng		<i>Nam</i>		1	0	0					
7	21110035	Phạm Quốc	Anh		<i>Nợ HP</i>			5	0					
8	21110089	Võ Kế	Hoàng		<i>Hoàng</i>			9	0					
9	21110187	Đỗ Dương Thiên	Thọ				-	-	-					
10	21110189	Trần Minh	Thông		<i>Minh</i>		1	0	0					
11	21110245	Dương Danh Gia	Bảo		<i>Bảo</i>			3	4					
12	21110267	Ngô Trung	Đông		<i>Đông</i>			8	6					
13	21110288	Nguyễn Sơn	Hải		<i>Sơn</i>		1	0	0					
14	21110328	Trần Khánh	Kỳ		<i>Khánh</i>			6	2					
15	21110436	Thái Đỗ Anh	Tuấn		<i>Tuấn</i>		1	0	0					
16														
17														
18														
19														
20														
21														
22														
23														
24														
25														

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:		Họ, tên:		Họ, tên:	
1) <i>Nguyễn Tiến Anh</i>	Chữ ký: <i>NA</i>	1) <i>Trần Thanh Đức</i>	Chữ ký: <i>TTĐ</i>		
2) <i>Võ Hồng Châu</i>	Chữ ký: <i>VHC</i>				



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

(30%)

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001746

Tên học phần: **Đại số hiện đại**

Mã học phần: **MTH10421**

Lớp: **21TTH**

Ngày thi: **27/04/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	1711208	Nguyễn Hồng	Phát		<i>Phát</i>	☐		1	0		
2	19110370	Trần Gia	Long		<i>Long</i>	☐		2	0		
3	20110075	Cao Quang	Nhật		<i>Nhật</i>	☐		2	0		
4	20110288	Đoàn Minh	Quân		<i>Quân</i>	☐		2	0		
5	20110298	Biện Phát	Tài		<i>Tài</i>	☐		5	0		
6	21110003	Trần Nguyễn Nam	Hung		<i>Hung</i>	☐		9	0		
7	21110035	Phạm Quốc	Anh		<i>Quốc</i>	☐		2	0		
8	21110089	Võ Kế	Hoàng		<i>Hoàng</i>	☐		8	0		
9	21110187	Đỗ Dương Thiên	Thọ			☒					
10	21110189	Trần Minh	Thông		<i>Thông</i>	☐		10	0		
11	21110245	Dương Danh Gia	Bảo		<i>Bảo</i>	☐		3	0		
12	21110267	Ngô Trung	Đông		<i>Đông</i>	☐		8	0		
13	21110288	Nguyễn Sơn	Hải		<i>Sơn</i>	☐		7	0		
14	21110328	Trần Khánh	Kỳ		<i>Khánh</i>	☐		7	0		
15	21110436	Thái Đỗ Anh	Tuấn		<i>Tuấn</i>	☐		8	0		
16						☐					
17						☐					
18						☐					
19						☐					
20						☐					
21						☐					
22						☐					
23						☐					
24						☐					
25						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Nguyễn Văn Đức</i> 1).....Chữ ký: <i>[Signature]</i> 2).....Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: <i>Trần Thanh Đức</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Bài tập

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232006788

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ - Nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **22CTT2**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V á n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
1	1711057	Nguyễn Tuấn	Anh		Nợ HP	●					
2	1712371	Nguyễn Văn	Dung		Nợ HP	●					
3	1712627	Hồ Thanh	Nhân			●					
4	1713032	Nguyễn Khoa	Đức		Nợ HP	●					
5	1718241	Lê Dương Bích	Ngọc		Nợ HP	●					
6	18170048	Võ Văn	Hoàn		Nợ HP	●					
7	18600019	Lê Quốc	Anh		Nợ HP	○	4	0		bốn không	
8	19110132	Nguyễn Hoàng	Nguyên		Nợ HP	●					
9	19110361	Chu Khánh	Linh		Nợ HP	●					
10	19170221	Nguyễn Thị Mỹ	Tho		Nợ HP	○	4	0		bốn không	
11	19190246	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm			○	4	0		bốn không	
12	19230047	Nguyễn Ngọc Hồng	Hân		Nợ HP	●					
13	20180248	Hồ Hoài	Hân			○	1	0	0	mười không	
14	20180346	Nguyễn Việt Kiều	Oanh			○	9	0		chín không	
15	20250063	Trần Thị	Ý			○	5	0		năm không	
16	21120202	Dương Thiên	Bảo			●					
17	21190004	Hoàng Lê Quốc	Cường			○	1	0		một không	
18	21210010	Nguyễn Thị Ngọc	Tâm			○	8	0		tám không	
19	21210021	Nguyễn Trần	Danh			○	7	0		bảy không	
20	21210036	Hà Anh	Thy			○	1	0	0	mười không	
21	21210044	Trương Mỹ	Xuyên			○	1	0	0	mười không	
22	22110070	Nguyễn Khương Minh	Hưng			○	1	0	0	mười không	
23	22110078	Trần Nguyên	Khang			○	1	0	0	mười không	
24	22110085	Nguyễn Minh	Khoa			○	9	0		chín không	
25	22110089	Nguyễn Minh	Khôi		Nợ HP	○	7	0		bảy không	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Trần Kim Chi</u> Chữ ký: <u>Jms</u> 2)..... Chữ ký:	Họ, tên: <u>Trần Kim Chi</u> Chữ ký: <u>Jms</u>	Họ, tên:..... Chữ ký:.....



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Bài tập

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232006789

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ - Nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **22CTT2**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
26	22110098	Trần Thị Mỹ	Kim				1	0	0	mười không	
27	22110106	Trương Trần Phúc	Lĩnh				1	0	0	mười không	
28	22110115	Nguyễn Thị	Mây		Nợ HP			5	0	năm không	
29	22110126	Nguyễn Thanh	Ngân					9	0	chín không	
30	22110132	Phan Quốc	Nghĩa					8	0	tám không	
31	22110165	Trần Đình	Phước				1	0	0	mười không	
32	22120001	Bùi Duy	An				1	0	0	mười không	
33	22120002	Đỗ Quang	An				1	0	0	mười không	
34	22120004	Lê Thịnh	An					9	0	chín không	
35	22120007	Nguyễn Trường	An				1	0	0	mười không	
36	22120013	Nguyễn Đức	Anh				1	0	0	mười không	
37	22120016	Trần Hùng	Anh					9	0	chín không	
38	22120018	Vũ Duy	Bắc				1	0	0	mười không	
39	22120019	Bàn Hữu	Bằng				1	0	0	mười không	
40	22120021	Huỳnh Thái	Bảo				1	0	0	mười không	
41	22120022	Lê	Bảo					9	0	chín không	
42	22120027	Thái	Bảo				1	0	0	mười không	
43	22120029	Nguyễn Hữu	Bền				1	0	0	mười không	
44	22120031	Nguyễn Hữu	Bình				1	0	0	mười không	
45	22120032	Trần Thanh	Bình				1	0	0	mười không	
46	22120033	Phan Công	Châu				1	0	0	mười không	
47	22120035	Dương Thiện	Chí				1	0	0	mười không	
48	22120036	Đạo Minh	Chiến				1	0	0	mười không	
49	22120040	Trương Việt	Công		Nợ HP		1	0	0	mười không	
50	22120041	Đỗ Quốc	Cường				1	0	0	mười không	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Trần Kim Chi.....Chữ ký: Jms
2).....Chữ ký:

Họ, tên:
Trần Kim Chi.....
Chữ ký: Jms

Họ, tên:
.....
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Bài tập

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232006790

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ - Nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **22CTT2**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	22120042	Đỗ Ngọc	Cường			☐	1	0	0	mười không	
52	22120043	Đoàn Minh	Cường			☐	1	0	0	mười không	
53	22120047	Trần Xuân	Đặng			☐	1	0	0	mười không	
54	22120048	Nguyễn Chí	Danh		Nợ HP	☐	1	0	0	mười không	
55	22120052	Đặng Ngọc Quốc	Đạt			☐	1	0	0	mười không	
56	22120054	Lê Văn Thành	Đạt			☐	1	0	0	mười không	
57	22120057	Nguyễn Tấn	Đạt			☐	1	0	0	mười không	
58	22120058	Nguyễn Thành	Đạt			☐		9	0	chín không	
59	22120064	Nguyễn Tấn	Đồng			☐	1	0	0	mười không	
60	22120066	Bùi Anh	Đức			☐	1	0	0	mười không	
61	22120067	Lâm Hồng Anh	Đức			☐	1	0	0	mười không	
62	22120069	Nguyễn Duy	Đức			☐	1	0	0	mười không	
63	22120070	Nguyễn Thành	Đức			☐	1	0	0	mười không	
64	22120081	Phạm Thanh	Duy			☐	1	0	0	mười không	
65	22120089	Đỗ Xuân	Hải			☐	1	0	0	mười không	
66	22120101	Nguyễn Văn	Hiển			☐	1	0	0	mười không	
67	22120187	Trần Thiên	Lộc			☐	1	0	0	mười không	
68	22120242	Nguyễn Minh	Nhã			☐		7	0	bảy không	
69	22120257	Đinh Lê Gia	Như			☐		8	0	tám không	
70	22120260	Châu Ngọc	Phát			☐	1	0	0	mười không	
71	22120266	Phạm Trần Thanh	Phong			☒					
72	22120269	Nguyễn Hoài	Phú			☐	1	0	0	mười không	
73	22120278	Nguyễn Văn Hoàng	Phúc			☐	1	0	0	mười không	
74	22120288	Đỗ Thị Kim	Phượng			☐		9	0	chín không	
75	22120307	Lê Quang Vĩnh	Quyền			☐	1	0	0	mười không	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Trần Kim Chi.....Chữ ký: Jms
2).....Chữ ký:

Họ, tên:
Trần Kim Chi.....
Chữ ký: Jms

Họ, tên:
.....
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Bài tập

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232006791

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ - Nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **22CTT2**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
76	22120315	Nguyễn Văn	Tài			☐	1	0	0	mười không	
77	22120362	Đỗ Hữu	Thức			☐	1	0	0	mười không	
78	22120381	Hoàng Đức	Trí			☐	1	0	0	mười không	
79	22120389	Dương Ngọc Kiều	Trình			☐	1	0	0	mười không	
80	22120401	Trần Anh	Tú			☐	1	0	0	mười không	
81	22120422	Nguyễn Phạm Tú	Uyên			☐	1	0	0	mười không	
82	22280066	Nguyễn Lê Lâm	Phúc			☐	1	0	0	mười không	
83						☐					
84						☐					
85						☐					
86						☐					
87						☐					
88						☐					
89						☐					
90						☐					
91						☐					
92						☐					
93						☐					
94						☐					
95						☐					
96						☐					
97						☐					
98						☐					
99						☐					
100						☐					

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Trần Kim Chi.....Chữ ký: Jms
2).....Chữ ký:

Họ, tên:
Trần Kim Chi
Chữ ký: Jms

Họ, tên:
.....
Chữ ký: